

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 11 – 2024

“ Tranh chấp Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Thạch Văn Mến.

2/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị B, sinh ngày 16/8/1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông Thạch Thanh T, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Trịnh Thị B trình bày:

Bà Trịnh Thị B với ông Thạch Thanh T kết hôn với nhau vào năm 2003. Đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 110 ngày 24/6/2011.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi vã. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hai người vẫn còn sống chung nhà.

Về con chung: Có ba con chung: 1/Thạch Thị Mỹ Trinh, sinh ngày 28/3/2004; 2/Thạch Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 10/01/2007; 3/Thạch Thị Mỹ Nhiên, sinh ngày 14/01/2012. Hiện đang sống cùng cha mẹ.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Trịnh Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Thanh T.

- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con Thạch Thị Mỹ D, sinh ngày 10/01/2007 và Thạch Thị Mỹ N, sinh ngày 14/01/2012. Không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng Thạch Thị Mỹ T1, sinh ngày 28/3/2004 đã trưởng thành và có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và **nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.**

Tại biên bản hòa giải ngày 24 tháng 10 năm 2024, ông Thạch Thanh T trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Trịnh Thị B về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Đồng thông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà B. Tuy nhiên ông T lại không ký tên vào biên bản.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị B được quyền ly hôn với ông Thạch Thanh T. Về con chung: Giao hai con Thạch Thị Mỹ D, sinh ngày 10/01/2007 và Thạch Thị Mỹ N, sinh ngày 14/01/2012 cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng Thạch Thị Mỹ T1, sinh ngày 28/3/2004 đã trưởng thành và có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không cần thiết phải đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Thạch Thanh T và bà Trịnh Thị B đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt còn ông T thì vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Trịnh Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Thạch Thanh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Thị B với ông Thạch Thanh T là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng một thời gian sau, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn hạnh phúc. Quá trình hòa giải, bà B cương quyết ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà B yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Xét thấy hai con Thạch Thị Mỹ D, sinh ngày 10/01/2007 và Thạch Thị Mỹ N, sinh ngày 14/01/2012 có nguyện vọng sống cùng mẹ nên giao cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng Thạch Thị Mỹ T1, sinh ngày 28/3/2004 đã trưởng thành và có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không cần thiết phải đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà B yêu cầu nên bà B phải chịu theo luật định.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trịnh Thị B.
- Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị B được quyền ly hôn với ông Thạch Thanh T.

- Về con chung: Giao hai cháu Thạch Thị Mỹ D, sinh ngày 10/01/2007 và Thạch Thị Mỹ N, sinh ngày 14/01/2012 cho bà Trịnh Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Thạch Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Thạch Thanh T không phải nộp án phí.

+ Bà Trịnh Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007072 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà B đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THA huyện Trần Đề;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND thị trấn T, huyện T;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng

